TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2018
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Hoàng Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Nga

2. Ông Trương Hoài Khanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2018, về việc: "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐST–HNGĐ ngày 28/6/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thanh T**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: D7- L9 L, phường L, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L,** sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: D7 - L9 L, phường L, Tp G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thanh T trình bày: Bà T và ông L quen nhau trên cơ sở tự nguyện không ai mai mối, sau đó tìm hiểu yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/9/2002.

Sau khi cưới nhau thì vợ chồng chung sống tại D7 - L9 L, phường L, Tp G, tỉnh Kiên Giang cho đến nay.

Lý do ly hôn: Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, chung sống được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải nhau do ông L không lo làm ăn và sau đó vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ khoảng 6/2016 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/5/1992 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 10/02/1994. Hiện các con đã trưởng thành bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và về công nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt không rõ lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai theo thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thanh T có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do. Xét thấy sự vắng mặt của bị đơn không làm ảnh hưởng đến phiên Tòa và nguyên đơn cũng đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L quen nhau trên cơ sở tự nguyện không ai mai mối, sau đó tìm hiểu yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/9/2002 là phù hợp theo quy định pháp luật được quy định tại Điều 11 Bộ luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[3] Tại phiên Tòa hôm nay bà T trình bày: Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, chung sống được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải nhau do ông L không lo làm ăn và sau đó vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng ý kiến, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ khoảng 6/2016 cho đến nay. Xét thấy vợ chồng bà T, ông L không còn yêu thương quý trọng chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51, Điều 54 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung

tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/5/1992 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 10/02/1994. Hiện các con đã trưởng thành bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông L có chứng cứ tranh chấp về vấn đề nợ và tài sản chung thì ông L có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Phạm Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0003835 ngày 07/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28; 147; 227; 266; 267; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 09; 51; 54; 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 22/5/1992 và Nguyễn Thanh P, sinh ngày 10/02/1994. Hiện các con đã trưởng thành bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thanh T xác nhận vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này ông L có chứng cứ tranh chấp về nợ và tài sản chung thì ông L có quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Phạm Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0003835 ngày 07/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nếu đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành ánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đ/sự;
- VKS Tp Rạch Giá;
- TA tỉnh;
- THA Tp Rạch Giá;
- UBND phường Vĩnh Lạc;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Hoàng Chân